

Bản án số: 42/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 12 - 2017

*V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Đạt – Thẩm phán.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đoàn Thân;  
2. Bà Nguyễn Thị Liên.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Văn Tư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 20/12/2017, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai vụ án thụ lý số 66/2017/TLST-HNGĐ ngày 22/6/2017, về “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06/11/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Đình H, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Thôn X, xã HL, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt tại phiên tòa;

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: Thôn 2, xã HN, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/5/2017, bản khai ngày 10/7/2017 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Hoàng Đình H trình bày: Giữa anh và chị Nguyễn Thị H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HL, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa ngày 22/12/2010, vợ chồng chung sống hòa thuận được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên bất đồng quan điểm, chửi mắng lẫn nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh P. Do không chịu đựng được nên từ tháng 12 năm 2012 đến nay, anh và chị H1 sống ly thân nhau. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị H1.

Về con chung: Anh H khai, anh và chị H1 có 01 con chung, cháu tên là Hoàng Đình P, sinh ngày 18/7/2012, hiện nay cháu đang ở với chị H1; sau ly hôn, anh đề nghị

chị H1 được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị H1 để làm bản tự khai nhưng chị H1 không có mặt, nên không có lời khai của chị H1.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Chị Nguyễn Thị H1 đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên hòa giải nhưng đều không có mặt để tham gia phiên hòa giải. Anh Hoàng Đình H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4, Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị H1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H1 theo điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân*: Anh Hoàng Đình H và chị Nguyễn Thị H1 tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HL, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa ngày 22/12/2010, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Thời gian vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan, từ cuối năm 2012 vợ chồng đã ly thân nhau. Mặc dù biết anh H có đơn ly hôn, chị H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ cho chị H1 nhưng chị H1 vắng mặt tại Tòa án và không có ý kiến gì, chứng tỏ chị H1 cũng không tha thiết níu kéo, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh H được ly hôn chị H1 là phù hợp.

[3]. *Về con chung*: Anh H khai, anh và chị H1 có 01 con chung, cháu tên là Hoàng Đình P, sinh ngày 18/7/2012, anh H đã xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu P, có ghi họ tên mẹ là chị Nguyễn Thị H1. Như vậy đủ cơ sở khẳng định các cháu P là con chung của anh H và chị H1.

Xét đề nghị nuôi con của anh H phù hợp với thực tế, bởi từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu P ở với chị H1, cháu P đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ, nên nguyện vọng nuôi con của anh H được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H1 mỗi tháng là 1.000.000 đồng là phù hợp với thực tế và hoàn toàn tự nguyện cần chấp nhận yêu cầu này của anh H.

[4] *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Trong vụ án này, Hội đồng xét xử, không biết được nội dung yêu cầu của chị H1 đối với phần tài sản, giữa chị H1 và anh H sẽ tự bàn bạc thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có đơn khởi kiện.

[5]. Về án phí: Anh H là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình nên pH chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định, chị H1 không pH chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1, Điều 56; Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6; Khoản 5, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Đình H ly hôn chị Nguyễn Thị H1.

2. Về con chung: Công nhận cháu Hoàng Đình P, sinh ngày 18/7/2012, là con chung của anh H và chị H1. Giao cháu P cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H1 mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 12 năm 2017 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi chị H1 có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng, nếu chưa thi hành án, hàng tháng anh H pH chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án, mức lãi suất chậm thi hành án bằng 50% mức lãi xuất giới hạn.

3. Về án phí: Anh Hoàng Đình H pH chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung theo biên lai thu số AA/2015/0004681 ngày 20/6/2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Anh H còn pH nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- THADS huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Hoàng Văn Đạt**

